

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Từ ngày 13 tháng 11 năm 2020 đến ngày 19 tháng 11 năm 2020/ From 13 Nov 2020 to 19 Nov 2020

<p>1 Tên Công ty quản lý quỹ: Fund Management Company:</p> <p>2 Tên ngân hàng giám sát: Supervising bank:</p> <p>3 Tên Quỹ: Fund name:</p> <p>4 Ngày lập báo cáo: Reporting Date:</p>	<p>Công ty TNHH Quản Lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)</p> <p>Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam</p> <p>Quỹ ETF MAFM VN30</p> <p>20-Nov-20</p>
---	---

STT NO	CHỈ TIÊU CRITERIA	Code	Ngày 19 tháng 11 năm 2020 As at 19 Nov 2020	Ngày 12 tháng 11 năm 2020 As at 12 Nov 2020
A	Giá trị tài sản ròng Net Assest Value	2100		
A.1	Giá trị tài sản ròng (NAV) đầu kỳ Net Asset Value (NAV) at the beginning of period	2101		
	của quỹ/ per Fund	2102	124,789,416,598	122,254,220,125
	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	2102.1	1,085,125,362	1,063,080,175
	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	2103	10,851.25	10,630.80
A.2	Giá trị tài sản ròng (NAV) cuối kỳ Net Asset Value (NAV) at the end of period	2104		
	của quỹ/ per Fund	2105	127,742,869,960	124,789,416,598
	của một lô chứng chỉ quỹ/ per lot of Fund Certificate	2105.1	1,110,807,565	1,085,125,362
	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate	2106	11,108.08	10,851.25
A.3	Thay đổi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ trong kỳ, trong đó: Change of NAV per Fund Certificate during period, of which:	2107		
	Thay đổi do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ Changes of NAV due to fund s Investment during the period	2108	256.83	220.45
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ liên quan tới nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value related to investors during the period	2109	-	-
	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ Change of net asset value due to distribute the profit to investors during the period	2109.1	-	-
	Thay đổi GTTSR do mua lại, phát hành thêm Chứng chỉ Quỹ Change of NAV due to subcription, redemption during the period	2109.2	-	-
A.4	Giá trị tài sản ròng cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/Lowest NAV within latest 52 weeks	2110		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	2111	127,742,869,960	124,789,416,598
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	2112	122,117,980,913	122,117,980,913
B	Giá trị thị trường (giá đóng cửa cuối phiên giao dịch trong ngày báo cáo) của một chứng chỉ Quỹ Market value of a Fund Certificate (closing price of the last trading session of the reporting date)	2114		
B.1	Giá trị đầu kỳ Beginning period Value	2115	-	-
B.2	Giá trị cuối kỳ Ending period Value	2116	-	-
B.3	Thay đổi giá trị thị trường trong kỳ so với kỳ trước Change of market value in the period in comparison with the last period	2117	-	-
B.4	Chênh lệch giữa giá thị trường của chứng chỉ Quỹ và giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ Difference between Market Value per Fund Certificate and NAV per Fund Certificate	2118		
	Chênh lệch tuyệt đối (VND)/ Absolute difference (VND)	2119	-	-
	Chênh lệch tương đối (mức độ chiết khấu (-)/thặng dư (+))/ Relative difference (discount(-)/ premium(+))	2120	0%	0.00%
B.5	Giá trị thị trường cao nhất/thấp nhất trong vòng 52 tuần gần nhất Highest/lowest Market Value within latest 52 weeks	2121		
	Giá trị cao nhất (VND)/ Highest Value (VND)	2122	-	-
	Giá trị thấp nhất (VND)/ Lowest Value (VND)	2123	-	-

Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát  
Authorised Representative of Supervisory Bank



Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam  
Shinhan Bank Vietnam Limited

Kong Duck Hwan

Giám đốc Phòng Dịch vụ Chứng khoán, Bộ phận Dịch vụ Quản trị Quỹ  
Director of Securities Services Department, Fund Services Team

Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý Quỹ  
Authorised Representative of Fund Management Company



Công ty TNHH Quản lý quỹ Mirae Asset (Việt Nam)  
Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited

Huu Hong Suk

Chủ tịch Công ty kiêm đại diện pháp luật  
Chairman and Legal Representatives